



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN KHANH THUAN
Last Middle First

Current Address: II A Hamlet - Chanh Noi - Long Ha - Cuu Long

Date of Birth: 8-3-1940 Place of Birth: Binh Duong VN

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4-30-1975 To 06-18-1981
Years: 06 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LUU THI KIEU	1936	wife
NGUYEN LUU HONG NGOC	1969	daughter
NGUYEN LUU THUY NGOC	1972	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE.

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # NO

VEHL.# NO

I-171 : Yes No

EXIT PERMIT: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM THU AN KHANH NGUYEN
Last Middle First
- Current Address Ấp ĐA, xã CHÁNH HỘI, huyện LONG HỒ, tỉnh CẦN LŨNG
- Date of Birth 3.8.1940 Place of Birth PHÚ CHÁNH BÌNH DƯƠNG (SÔNG BE)
- Previous Occupation (before 1975) Lieutenant, RVNAF number of military 60A.174543.
(Rank & Position) chief of buro: center plan rural pacification and development vintlong
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP. Dates: From 13.5.1975 To 18.6.1981
3. SPONSOR'S NAME: Mac NAMARA (1968), BRAUN (1969-1970) NOXON, ZIELER (1971-1972)
TRAITER (1973-1974-1975).

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

LƯU - TRI - PHƯƠNG

UNCLE of

my wife

WESTMINSTER, CA.

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN KHANH THU-AN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. LƯU - THỊ - KIỀU	15.5.1936	WIFE, cadre rural
2. NGUYỄN LƯU HỒNG NGỌC	1.9.1969	Pacification and Development Vinh Long Daughter
3. NGUYỄN LƯU THUY NGỌC	1.2.1972	Daughter
4. NGUYỄN LƯU MINH SƠN	26.4.1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- We are not appropriate this regime in Vietnam
- I request to the American authorities to register my name on the Ex-POLITICAL prisoner list in Vietnam and my family for going to the US as soon as possible.

7. Listing here all documents attached to this questionnaire :

- 1 my released certificate
- 10 birth certificate with photograph.
- 2 marriage certificate.

Cửu Long Province, 4, OCTOBER 1988
Very truly yours D. Hien

NGUYỄN KHANH THU AN

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- oOo -
TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÁ
Số: 545 /GRT -81

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng-Nội vụ số: 07/TT/LB. Ngày 29/12/1977 về việc thực hiện chỉ thị số: 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định số: 4480 QĐ.UBT-81 Ngày 27-5-1981

CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN LŨNG
GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Nguyễn Văn An
Ngày, tháng, năm sinh: 1940
Quê quán: Phước Thành, Sông Bé
Trú quán: Ấp 20, xã Phước Mỹ, huyện Phước Mỹ, tỉnh Phước Mỹ
Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền Quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: Đã được xóa bỏ
Đã được xóa bỏ

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân xã, Công an xã, Phường: Phước Mỹ thuộc huyện, quận: Phước Mỹ tỉnh, thành phố: Phước Mỹ và phải tuân theo các qui định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười năm
- Thời hạn đi đường: 10 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

/)/gày 03 tháng 06 năm 1981
GIÁM THỊ TRẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

QUỐC TẾ - ĐINH T XÃ C. S.

- Xét qua bản đề nghị của UBND xã :
- Nay Ủy ban nhân dân huyện đồng ý.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU II : quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐIỀU III : Dương sự Nguyễn khánh thu An về địa phương xã
Chánh hội chiếu quyết định của Ủy ban.

T/H. Ủ. Đ. N. AN DÂN NGUYỄN

KT CUB TIC
Pha Chi Hcl
F9 Rudauz

THUẬN AN SANG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VĨNH-LONG
QUẬN CHÂU-THÀNH
XÃ LONG-NỎ
Số hiện 141

TRÍCH-LỤC
CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên, họ người chồng NGUYỄN - KHÁNH - THỤ - AN
nghề-nghiep Quân - nhân
sinh ngày 03 tháng 08 năm 1940
tại Làng Phú-Chánh (Bình-Dương)
cư-sở tại K.B.C. 6154
tạm-trú tại K.B.C. 6154
Tên, họ cha chồng VÔ - DẠNH
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng NGUYỄN - THỊ - NGUYỄN (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ LƯU - THỊ - KIỀU
nghề nghiệp Công-nhân
sinh ngày 15 tháng 05 năm 1936
tại Tân-Lập (Vĩnh-Lang)
cư-sở tại Xã Long-Chân (Vĩnh-Lang)
tạm-trú tại Xã Long-Hồ (Vĩnh-Lang)
Tên, họ cha vợ TRẦN - THỊ - TÂN (chết)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ TRẦN - NGUYỄN - HỒNG (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
- Ngày cưới Ngày 19 tháng 10 năm 1972 (hồi 15 giờ)
- Vợ chồng khi có hay không lập hôn-kế //
ngày // tháng // năm //
tại // // //

Trích y bản chính

LONG-NỎ, ngày 13 tháng 11 năm 19 72
XÃ-TRƯỞNG/Ủy-Viên Hộ-Tịch,

MIỀN THỊ-TRANG

Ngô
Nguyễn-dân-Duyệt

Đã kiểm soát

Kiểm

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VĨNH-LONG
QUẬN CHÂU-THÀNH
XÃ LONG-HỒ
Số hiện 141

TRÍCH-LỤC
CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên, họ người chồng NGUYỄN - KHÁNH - THU - AN
nghề-nghiep Quân - nhân
sinh ngày 03 tháng 08 năm 1940
tại Làng Phú-Chánh (Bình-Dương)
cư-sở tại K.B.C. 6154
tạm-trú tại K.B.C. 6154
Tên, họ cha chồng VÔ - DANH
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng HUỲNH - THỊ - NGUYỄN (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ LƯU - THỊ - KIỀU
nghề nghiệp Công-nhân
sinh ngày 15 tháng 05 năm 1936
tại Tường-Lập (Vĩnh-Long)
cư-sở tại Xã Long-Châu (Vĩnh-Long)
tạm-trú tại Xã Long-Hồ (Vĩnh-Long)
Tên, họ cha vợ LƯU - TRÍ - TÂN (chết)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ TRẦN - NGỌC - NHUNG (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
— Ngày cưới Ngày 19 tháng 10 năm 1972 (hồi 15 giờ)
— Vợ chồng khi cưới có hay không lập hôn-thư? //
ngày // tháng // năm //
tại // // //

Trích y bốn chứng

LONG-HỒ, ngày 13 tháng 11 năm 19 72
XÃ-TRƯỞNG/K Ủy-Viên Hộ-Tịch,

Ngô Lai

Nguyễn Văn Đức

Đã kiểm soát

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Bình-Dương (Bình-Dương)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1940
(année)

SỐ HIỆU 27
(Acte No)



Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Tòa HGU, Bình-Hòa, xử về việc tố trọng phiên nọm công khai ngày 11 tháng 12-1956, có lư án số 1928, mà chủ văn như sau :
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	
Sinh ngày nào (Date de naissance)	
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Chứng-phần Nguyễn-thị -guội nhin (Nguyễn-khai-h -Thu-An là con.
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phan rằng : Nguyễn-khai-h -Thu-An
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	sinh ngày 3-8-1940, tại làng Phú- Chanh- (Bình-Dương) là con của vô- danh và Nguyễn-thị -guội.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Phan rằng án này thế-ví khai sanh cho đứa trẻ noi trên.
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Bình-Hòa, ngày 1 tháng 6 năm 1961 Chánh Lục-sự,
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	(ý tên và ấn dấu : Trần-v n-thích)

Chúng tôi,
(Nous)
Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông ~~Trần-thế-Chi~~
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Bình-Dương, ngày 12-12-1964

CHÍNH-ÁN,
(PRÉSIDENT),

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),

Bình-Dương, ngày 12-12-1964

CHÍNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),



[Signature]

Giá tiền :
(Coût)
Biển-lai số :
(Quittance no)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

VINH LONG

(NAM-PHÂN)

(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1936
(Année)

SỐ HIỆU 129
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lưu-thị-Hiền	
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ	
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 15 Mai 1936	
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tuần-Lộc	
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Lưu-thị-Hiền	
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tuần-Lộc	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-thị-Phùng	
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tuần-Lộc	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Chánh	

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

, ngày 196

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Vinh Long, ngày 24/7/1969

CHÁNH LỤC-SỰ,

LE GREFFIER EN CHEF



Phùng-văn-Quỳ

Giá tiền: 5000
(Cost)

Biên-lai số: 14698
(Quittance No)

N/10

Xem trang sau...

Lời cuối

Do án nguyên đơn số 1528, ngày 21-4-1961
Toà Sơ-Thẩm Vĩnhlong phán rằng: Lưu-thị-Kiến,
có khai-sanh số hiệu 129 hộ xã Trờng-Lộc
(Vĩnhlong) năm 1936 và Lưu-thị-Kiến là một người./-

Vĩnhlong, ngày 31-7-1961

Chánh Lục-Sự,

Ký tên : Huỳnh-kim-Khiết

SAO Y BẢN CHÍNH

Vĩnhlong, ngày 24/7/1969

Chánh Lục-Sự,



Phùng-văn-Hợp

NAM - PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH VĨNH-LONG
 QUẬN CHÂU-THÀNH
 XÃ LONG-CHÂU

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SINH NĂM 1.969XÃ LONG-CHÂU TỈNH VĨNH-LONG (NAM - PHẦN)SỐ HIỆU 1912

Tên họ đứa con nít	NGUYỄN-LUU HỒNG-NGỌC
Nam, Nữ	Nữ
Sanh ngày nào	Ngày một tháng chín dương-lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín.
Sanh tại chỗ nào	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ cha	Nguyễn-Khánh-Thu-An
Cha làm nghề gì	Quân-nhân
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ mẹ	Lâm-Thị-Kiến
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Vợ chánh hay thứ	-----

Trích y bản chánh

CHỖ TRƯỞNG KIẾN
 Long-Châu
 Xã-Trưởng Kiến

ngày 27 tháng 11 năm 1972
 Ủy-Viên Hộ-Tịch

LÊ NGỌC-MÊO
 Xã-Trưởng

Lệ - phí

Biên lai số

Tiếp qua trang sau ,

Khất nhận nhận đứa nhỏ này là con tư sanh của tôi và
của LƯU-T I-KIẾU và bằng lòng cho nó lấy theo họ cha.

Ký tên : An

Đã được NGUYỄN-KHÁNH-THU-AN và LƯU-THỊ-KIẾU nhận nhận là
con và được chánh thức hoá do chứng thư lập cùng lúc với
chứng thư Hôn-Thú giữa NGUYỄN-KHÁNH-THU-AN và LƯU-THỊ-KIẾU
trước Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã Long-Hồ (Vĩnh-Long) ngày 19-10-
1972 (Chứng-Thư Hôn-Thú số-hiệu 141)

Nay được

Long-Châu, ngày 16 tháng 11 năm 1972.

Kã-Trưởng kiêm Hộ-Tịch

Ký tên : LÊ-NGOC-MEO



Kã-Trưởng kiêm Hộ-Tịch

LÊ-NGOC-MEO
Xã-Trưởng

NAM - PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH VĨNH - LONG

QUẬN CHÂU - LONG

XÃ LONG - CHÂU

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1972

XÃ LONG - CHÂU TỈNH VĨNH - LONG (NAM - PHẦN)

SỐ HIỆU 323

Tên họ đứa con nít	<u>NGUYỄN - LƯU - THỦY - NGỌC</u>
Nam, Nữ	<u>Nữ</u>
Sanh ngày nào	<u>Ngày một tháng hai dương - lịch năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.</u>
Sanh tại chỗ nào	<u>Long - Châu (Vĩnh - Long)</u>
Tên họ cha	<u>Nguyễn - Khánh - Phú - An.</u>
Cha làm nghề gì	<u>Quân - nhân</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Long - Châu (Vĩnh - Long)</u>
Tên họ mẹ	<u>Lưu - Thị - Kiều</u>
Mẹ làm nghề gì	<u>Công - chức.</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Long - Châu (Vĩnh - Long)</u>
Vợ chính hay	<u>-----</u>



Trích y bản chính

Long - Châu ngày 27 tháng 11 năm 1972

Xã - Trưởng kiêm Ủy - Viên Hộ - tịch

Lệ - phí -----

Biên lai số -----

Tiếp qua trang sau

Khai nhận nhận đứa nhỏ này là con tư sanh của tôi và của
LƯU-THỊ-KIỆU và bằng lòng cho nó lấy theo họ cha.

Ký tên : An

Đã được NGUYỄN-KHÁNH-THU-AN và LƯU-THỊ-KIỆU nhận nhận
là con và được chánh thức hoá do chứng thư lập cùng
lúc với chứng-thư Hôn-Thú giữa NGUYỄN-KHÁNH-THU-AN và
LƯU-THỊ-KIỆU trước Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã Long-Nô (Vĩnh-
Long) ngày 19-10-1972 (Chứng thư Hôn thú số hiệu 141)

Nay ước,

Long-Châu, ngày 16-11-1972.

Xã-Trưởng kiêm Hộ-Tịch

Ký-tên : LÊ NGOC-MEO

Xã-Trưởng kiêm Hộ-Tịch,

LÊ NGOC-MEO

Xã-Trưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Xã phường Chánh Hưng...

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số 153...

Huyện, Quận Long Bình...

Quyển 13...

Tỉnh, Thành phố Cần Thơ



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên Nguyễn Văn Hùng Nam hay Nữ .. Nam ..

Ngày, tháng, năm sinh .. ngày 15 tháng 11 năm 1982 ..

..... Ngụ cư chính Nam ở nhà tự ..

Nơi sinh .. ấp 1A Chánh Hưng .. Long Bình .. Cần Thơ ..

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Lưu Thị Kiều	Nguyễn Văn Hùng
Tuổi	53	57
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Làm ruộng
Nơi thường trú	ấp 1A Chánh Hưng .. Long Bình .. Cần Thơ ..	ấp 1A Chánh Hưng .. Long Bình .. Cần Thơ ..

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

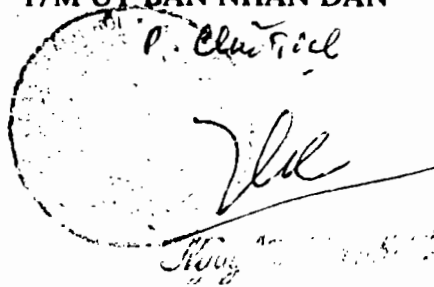
Nguyễn Văn Hùng .. 57 tuổi .. ấp 1A Chánh Hưng .. Long Bình .. Cần Thơ ..
Số: 330841792 ..

Đăng ký ngày 03 tháng 11 năm 1982

Người đứng khai ký

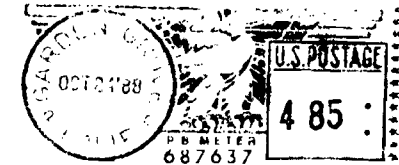
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

(Signature)



FROM: PHUONG T. LUU.

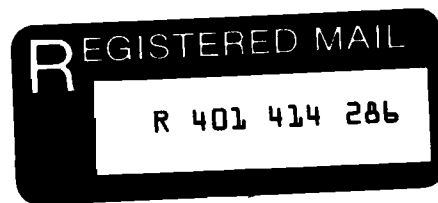
OCT 28 1988



TO: Mrs KHUC MINH THO

P.O. Box 5435

ARLINGTON VA 22205 0635



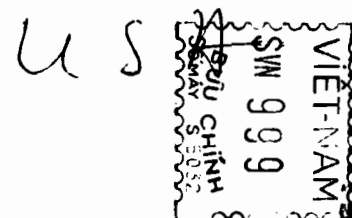
Thom Nguyễn Văn THV-AN
Nguyễn Phúc ANH
160/2/26 Số Việt Ngã-Tĩnh
P. 21 - Bình Thạnh
TP Hồ Chí Minh



DN H

TO : MRS KHUC-NGUYEN (B)
PO. Box 5435 ARLINGTON

VA 22205
-06



Saigon 9/8/88

Chị Thu Thảo,

Lại xin tiếp tục 2 bạn mà Tuấn Như VLong nhờ
chị giúp giúp tôi nữa đây:

① Nguyễn Phước Anh, trước đây biết phái Phái
Lấy dùm VLong - có vợ là Trần Thị Ánh đã làm cho cơ
quan này ở VLong từ 1968 đến 1973 -

② Nguyễn - Khánh - Thu - An, trước đây biết phái Phái
Lấy dùm hết VLong - có vợ là Lưu Thị Kiêm cũng làm cho XĐL
ở tỉnh VLong -

Các bạn này của tôi, cũng bị bắt nên họ có xin gì được có
cho đến giờ này. Xin chị giúp chuyển 1 set complete qua cho OLP
và 1 questionnaire của FVN PPA gửi lại cho hội pháp khi chị nhận
ZEREX lại nếu cần các giấy tờ của bên OLP (etc) -

Cảm ơn chị nhiều

N

QUESTIONNAIRE FOR EX. POLITICAL PRISONER IN VIETNAM.

2. BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM Date: 2/8/1988

1. Full name: NGUYỄN KHÁNH THU AN

2. Other names:

3. Date and Place of Birth: 3.8.1940 PHU CHANH village
BINH DUONG Province.

4. Position, Rank (before 4/75): Development Building Administration
of Province Vinh Long (Vinh Long Sector). Lieutenant,
Central Plan of Pacification and Development.

5. Military service number (serial number): 60 A. 174543

6. Month, date, year arrested: 2.30.1975 ✓

7. Month, date, year outed camp: 6.18.1981 ✓

8. Month, date, and year release certificate: 6.8.1981

9. Mailing address: II A hamlet, Chau Khoi village, Long Khoi-
district, Cuu Long Province.

10. Residing address: II A hamlet, Chau Khoi village, Long Khoi-
district, Cuu Long Province.

II. LIST FULL NAME, DATE AND PLACE OF BIRTH OF IMMEDIATE FAMILY, MOTHER AND FATHER.

A. Relatives accompanying to be considered for US country:

Nos.	Name in full	DOB	POB	Sex	Relationships	Address
1	LƯU THỊ KIỀU	15.5.1936	TỈNH LỘC VINH LONG	F.	my wife	II A hamlet, Chau Khoi village Long Khoi-district Cuu Long Province
2	NGUYỄN LƯU HỒNG NGỌC	1.9.1969	LONG CHAU VINH LONG	F.	my daughter	Long Khoi-district Cuu Long Province
3	NGUYỄN LƯU THUY NGỌC	1.2.1972	LONG CHAU VINH LONG	F	my daughter	-

B. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING / Dead):

Name	Address
1. Father: NGUYỄN VĂN THÔN (D)	
2. Mother: HUYNH THỊ NGUỘI (L)	Phước Bình hamlet, Phước Châu village, Tân Uyên district, Sông Bé Province.
3. Spouse: LƯU THỊ KIỀU	
4. Former Spouse: NO.	
5. Children: NGUYỄN LƯU HỒNG NGỌC NGUYỄN LƯU THỦY NGỌC	Phước Bình hamlet, Phước Châu village, Tân Uyên district, Sông Bé Province.
6. Sibling: LƯU NGUYỄN MINH SƠN	

III. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM:

A. Closest relatives in the US:

of me

of my Spouse: (AUNT)
HÀ NGỌC TU, Living USA.
address:
Westminster CA.

B. Relatives in other foreign Countries:

of me

of my Spouse

IV. OVERSEA TRAINING PAID BY US GOVERNMENTS

V. US AWARDS AND DECORATIONS:

VI. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTILL NOW?

The application: NO.

VII. COMMENT - REMARKS: Ready to start.

VIII. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

- Birth ~~My~~ certificate.
- Marriage certificate.
- Camp release certificate.
- Photo (not my daughter Nguyễn Hải HỒNG NGỌC).

Signature

R. Fuder



NGUYỄN KHÁNH
THU AN
3.8.1940
PHU CHANH
BINH DUONG

NGUYỄN KHÁNH
THU AN
3.8.1940
PHU CHANH
BINH DUONG

LƯU THỊ KIỆU²
15.5.1936
TƯỜNG LỘC
VĨNH LONG

LƯU THỊ KIỆU²
15.5.1936
TƯỜNG LỘC
VĨNH LONG

NGUYỄN LUY
THUY NGOC
1.2.1972
CON CHAU V. LONG

NGUYỄN LUY
THUY NGOC
1.2.1972
CON CHAU V. LONG

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date: 2/8/1998

A. BASIC IDENTIFICATION DATA:

1. Name: NGUYỄN KHÁNH THU-AN. 2. Other name:
3. Date and Place of birth: 3.8.1940. PHÚ CHÁNH Village
BÌNH DƯƠNG Province.
4. Residence address: Hamlet II A, village CHÁNH HỘI,
District Long HỒ, Province Cửu LONG.
5. Mailing address: Hamlet II A, village CHÁNH HỘI,
District Long HỒ, Province Cửu LONG.
6. Current Occupation: Paddy field labor.

B. RELATIVES TO accompany me:

Nos	Name	DOB	POB	Sex	M.S	Relationship
1	Lưu-Thị - KIỀU	15.5.1936	TỔNG LỘC	F.	M	my wife
2	NGUYỄN LƯU HỒNG NGỌC	1.9.1969	LONG CHÂU	F.	Sm	my daughter
3	NGUYỄN LƯU THỦY NGỌC	1.2.1972	LONG CHÂU VĨNH LONG	F.	Sm	my daughter

C. RELATIVES OUTSIDE VN:

1. Closest Relatives in the U.S.

Name: HÀ NGỌC TÚ. Relationship: Aunt. Address:

WESTMINSTER CA.

USA.

2. Closest Relatives in other Countries.

Name Relationship Address

D. COMPLETE FAMILY LISTING (living / dead), name and address

1. Father: NGUYỄN VĂN THOÀN (D)

2. Mother: HUYNH THỊ NGUỘI (L) Phú Bình Hamlet,

Phú Chánh village, Sông Bé Province, Tân Uyên district.

3. Spouse : LƯU - THỊ - KIỀU : (L) II A hamlet, CHÁNH HỒI village, Long Hồ district, Cửu LONG Province

4. Former Spouse (if any) : No

5. Children :

- NGUYỄN LƯU HỒNG NGỌC : II A hamlet, CHÁNH HỒI village, Long Hồ district, Cửu LONG Province.

- NGUYỄN LƯU THỦY NGỌC : II A hamlet, CHÁNH HỒI village, Long Hồ district, Cửu LONG Province

6. Siblings : LƯU NGUYỄN MINH BÉN, II A hamlet, CHÁNH HỒI village, district Long Hồ, Cửu LONG Province.
Nephew.

E. EMPLOYMENT by US Gov't Agencies or other Organisations of you or your Spouse :

1. Name of person employed :

2. Date : From To

3. Title of last position held :

4. Agency / Company / Office :

5. Name of last Supervisor :

6. Reason for leaving :

7. Training for job in VN :

None

F. SERVICE with GVN or RVNAF by you or your Spouse :

1. Name of person serving : NGUYỄN KHÁNH THU AN
and my wife : LƯU THỊ KIỀU (cadre rural pacification and development)

2. Date : From November 1952 to 30.4.1975.

3. Last Rank : Lieutenant, Chief of Bureau, Plan of Council
Pacification and development.

4. Ministry / Office / Military Unit: Building Administration of Province Vinh Long (Vinh Long Sector).

5. Name of Supervisor / C.O: Colonel Lê Trung THÀNH, Chief of Province and Sector commander Vinh Long.

6. Reason for leaving: Ex. Political Prisoner in Viet Nam ^{30/4 Events.}

7. Name of American Advisor: Mc Namara, BRAUN, ZIELER, NOXON, HEINEN, LARSON and TRAITER.

8. US training course in VN: no

9. US Awards or certificates: no

G. TRAINING outside VN of you or your Spouse:

1. Name of student / training:

2. School and School address:

3 - Date: From to

4 - Description of courses:

none

H. RE-EDUCATION of you or your Spouse:

1. Name of person in re-education: NGUYỄN KHÁNH THUAN

2. Time in re-education: 6 years 1 month 5 days

3. Still in re-education: No

I. ADDITIONAL REMARKS: Ready to start.

J. DOCUMENTS attached:

- Birth ~~day~~ certificate
- Marriage certificate
- Camp release certificate
- PHOTO (not my daughter Nguyễn Thị Hồng Ngọc)

Signature
R. Ffuer

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÁ
Số: 545 /GRT -81

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng-Nội vụ số: 07/TT/LB Ngày 29/12/1977 về việc thực hiện chỉ thị số: 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định số: 4730 QĐ.UBT-81 Ngày 27-5-1981

CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CƯU LONG
CẤP QUAY RA TRẠI

- Họ và tên: Nguyễn Văn An

Ngày, tháng, năm sinh: 1947

Quê quán: Phước Hòa, Bình Định

Trú quán: Đoàn 29 Công an, Bộ Công an

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền

quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế

độ cũ: Quản lý, Đoàn 29 Công an, Bộ Công an

Đoàn 29 Công an

- Khi về, phải trực tiếp tiếp tỉnh ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân xã, Công an xã, Phường: Phước Hòa

thuộc huyện, quận: Lan Khê tỉnh, thành phố: Phước Hòa

và phải tuân theo các qui định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Đoàn 29 Công an

Thời hạn đi đường: 15-06-81 Ngày (kể từ ngày

ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường để cấp: _____

/)/ Ngày 06 tháng 06 năm 1981

GIÁM TRẠI TRẠI

(Signature)

(Signature)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

HQRO BÌNH DƯƠNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC ĐỘ KHAI-SANH

Làng Phú-Chánh

(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Thủđầumặt (Bình-Dương)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1940
(Année)

SỐ HIỆU 27
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Tòa HQRO Biên-Hòa, xử về việc hộ trọng phiên nhóm công khai ngày 11 tháng 12-1950, có lên án số 1928, mà chủ văn như sau :
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	
Sinh ngày nào (Date de naissance)	HỘI CÁC LÊ AY
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Chứng-phận Nguyễn-thị-Nguội nhìn Nguyễn-khánh-Thu-An là con.
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phản rằng : Nguyễn-khánh-Thu-An
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	sinh ngày 3-8-1940, tại làng Phú- Chánh (Bình-Dương) là con của vô- danh và Huỳnh-thị-Nguội.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Phản rằng án này thể-vĩ khai sanh cho đứa trẻ nói trên.
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	CÁC Y THỌ AN
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Biên-Hòa, ngày 1 tháng 6 năm 1961 Chánh Lục-Sự.
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	(Ký tên và ấn dấu :Trưởng-văn-Thỉnh)

Chúng tôi, Lộng-hữu-Thụ
(Nous)

Chánh-án Tòa HQRO BÌNH DƯƠNG
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Lô-thế-Chí
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Bình-Dương ngày 24-3-1964

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),

Bình-Dương, ngày 24-3-1964

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

Giá tiền: 5000

(Coût)
Biên-lai số
(Quittance n°)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Tường-Lộ

VINH LONG

(T. CH. PH. AN)
(S. V. P. N. AN)

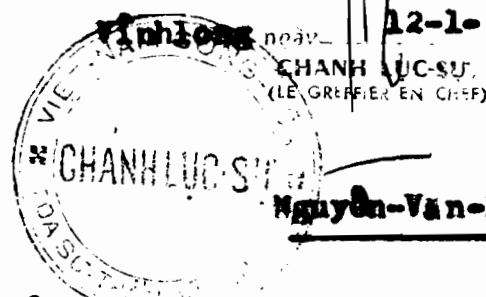
NĂM 1936
(Année)

SỐ HIỆU 129
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lưu-thị-Kiến
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nữ
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Le 15 Mai 1936
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tường-Lộ
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Lưu-trí-Tôn
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tường-Lộ
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-Hiệp-Nhung
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tường-Lộ
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

KHOI THỰC



Giá tiền : 15000
(Cout)

Biên-lai số 421
(Quittance No)

Xem tiếp trang sau.../....

Lời cuối:

Do án nguyên đơn số 1528 ngày 21.4.1961

Tòa Sơ-Thẩm Vinhlong phán rằng:

Lưu-Thị-Kiến, cô khai sinh số-hiệu 129,

bộ xã Tường-Lộc(Vinhlong) năm 1936 và

Lưu-thị-Kiểu là một người ./-

Vinhlong, ngày 31.7.1961

Chánh-Lục-Sự

Ấn-ký :Huỳnh-Kim-Khiết

SAC Y HIN CHANH

Vinhlong, ngày 12-1-1972

Chánh-Lục-Sự

Huỳnh-Van-Bình

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VĨNH-LONG

QUẬN CHÂU-THÀNH

XÃ LONG-HỒ

Số hiện 141

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THU HÔN-THÚ

Tên, họ người chồng NGUYỄN - KHÁNH - THU - AN ✓
nghề-nghiep Quân-nhân
sinh ngày 03 tháng 08 năm 1940
tại Làng Phú-Chánh (Bình-Dương)
cư-sở tại K.B.C. 6154
tạm-trú tại K.B.C. 6154
Tên, họ cha chồng VÕ - DANH
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng HUỲNH - THỊ - NGUYỄN (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ LƯU - THỊ - KIỀU ✓
nghề nghiệp Công nhân ✓
sinh ngày 15 tháng 05 năm 1936
tại Tường-Lộ (Vĩnh-Long)
cư-sở tại Xã Long-Châu (Vĩnh-Long)
tạm-trú tại Xã Long-Hồ (Vĩnh-Long)
Tên, họ cha vợ LƯU - TRÍ - TÔN (chết)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ TRẦN - NGỌC - NHUNG (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
- Ngày cưới Ngày 19 tháng 10 năm 1972 (hồi 15 giờ)
- Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khê //
ngày // tháng // năm //
tại // // //

Trích y bốn chánh

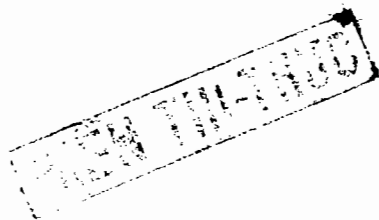
LONG-HỒ

, ngày 13 tháng 11 năm 19 72

XÃ-TRƯỞNG/KỦY-Viên Hộ-Tịch,

Ngô Đại

Nguyễn Văn Tấn



NAM-PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH VĨNH-LONG
 QUẬN CHÂU-CHÂNH
 XÃ LONG-CHÂU

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1.969.XÃ LONG-CHÂU TỈNH VĨNH-LONG (NAM-PHẦN)SỐ HIỆU 1912.

Tên họ đứa con nít	NGUYỄN-LUU-NHUNG-NHOC
Nam, Nữ	Nữ
Sanh ngày nào	Ngày một tháng chín dương-lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín.
Sanh tại chỗ nào	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ cha	Nguyễn-Khánh-Thu-An
Cha làm nghề gì	Quân-nhân
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ mẹ	Luu-Thị-Kieu
Mẹ làm nghề gì	Hội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Vợ chánh hay thứ	-----



Trích y bản chính

Long-Châu ngày 27 tháng 11 năm 197
 Xã-Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch



LE-NGOC-MED
 Xã-Trưởng

Lệ-phi

Biên lai số

Tiếp qua trang sau

Khai nhận nhận đứa nhỏ này là con tư sanh của tôi và
của LƯU-THI-KIỆU và bằng lòng cho nó lấy theo họ cha.

Ký tên : An

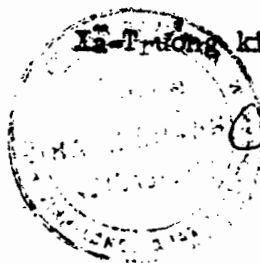
Đã được NGUYỄN-KHÁNH-THU-AN và LƯU-THI-KIỆU nhận nhận là
con và được chánh thức hoá do chứng thư lập cùng lúc với
chứng-thư Hôn-Thú giữa NGUYỄN-KHÁNH-THU-AN và LƯU-THI-KIỆU
trước Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã Long-Hồ (Vĩnh-Long) ngày 19-10-
1972 (Chứng-Thư Hôn-Thú số hiệu 141)

Nay được

Long-Châu. ngày 16 tháng 11 năm 1972.

Xã-Trưởng kiêm Hộ-Tịch,

Ký-tên : LÊ-NGỌC-MEO



Xã-Trưởng kiêm Hộ-Tịch,

LÊ-NGỌC-MEO

Xã-Trưởng

NAM-PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH VINH-LONG

Quận Châu-thành

Xã Longchâu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BỒN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1972

XÃ Longchâu TỈNH VINH-LONG (NAM-PHẦN)

SỐ HIỆU: 202

Tên họ đứa con nít	Nguyễn-Lưu Thủy-Ngọc .
Nam Nữ	Nữ
Sanh ngày nào	Ngày 07 tháng 04 năm 1972 ở đơn vị quân sự này (địa phương)
Sanh tại chỗ nào	Longchâu (Vinh-Long)
Tên họ cha	Nguyễn Khánh Nam An .
Cha làm nghề gì	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu	Longchâu (Vinh-Long)
Tên họ mẹ	Đào-Trị-Tiến
Mẹ làm nghề gì	Công nhân
Nhà cửa ở đâu	Longchâu (Vinh-Long)
Vợ chánh hay thứ	

- Khai sinh nhận đủ nhờ này là
con đẻ của tôi và của Bà-Dị-Liên
và đồng lòng cho nó lấy theo họ cha.
Ký tên An .

Trích y bốn chánh

Longchâu ngày 07 tháng 04 năm 1972 .

Ủy-Viên Hộ-Tịch,



Lệ phí

Biên lai số

MIỄN THỊ-THỰC

Chilodactylus

Kính gửi bà Khắc Minh Eho.

Tôi là Lưu Thị Phương và là Hồ
Ngọc Tú, địa chỉ 7219 Westminister
Ave. Westminister CA 92683,
là chú của cháu Lưu Vĩnh Triền
Đại úy, và Lưu Thị Kiều chồng là
Nguyễn Khánh Thu An, quân nhân.
Vợ chồng tôi đã đọc thư của Bà đề ngày
12 tháng 12 năm 1988, và xin trả lời cho
Bà trước: chúng tôi đã già ngoài sáu
mười tuổi rồi, sống nhờ tiền gia, như
vậy chúng tôi không có tiền đâu cho
thần nhân, theo chương trình ODP.
Vậy có trường trình nào bảo lãnh mù
không tồn tiền Bà vui lòng gửi dạy cho
chúng tôi, chúng tôi rất cảm ơn Bà.
Kính thư.

Lưu Thị Phương
7219 Westminister Ave
Westminister CA 92683

Gai bút.

Hôm ngày 8 Septembre năm 1988 tôi có gửi đến
Bà hồ sơ của cháu Lưu Vĩnh Triền, tôi có
đề tên địa chỉ của tôi là: Lưu Thị Phương 180
N. Wheeler Orange CA 92669. Nay xin Bà vui
lòng trả lại là: Lưu Thị Phương 7219

Westminster Ave Westminster CA 92683
Gửi xin thành thật cảm ơn Bà.

Trân trọng
Lên. Tri. Phuong.

FROM: Lm. Gri - Phường

Westminster CA

NG. KHANH ANH



h/s
Lm. Gri - Phường

TO: Bà Khúc. Minh. Hồ

Hội Gia Đình - Cựu. Nhân Chanh Gri Việt Nam

P.O. Box 5435 ARLINGTON VA 22205.



NATIONAL OFFICE

COUNTY OF ORANGE

FEDERAL GOVERNMENT SERVICE

1506 BROOKHOLLOW, SUITE 112

SANTA ANA, CA 92706

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

ODP IV # _____
(if known)

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF ORANGE, CA

SECTION I

Your Name: Mr/Ms LUU TRI PHUONG Phone: (Home) _____
Family Middle Given (Work) _____Your Address: _____
Number Street Garden Grove CA County/City State zip codeDate of Birth: 7/15/1925 Place of Birth: Vinh Long Nationality: VietnameseDate of Entry to U.S.: Aug - 02 - 1979 From: (country/camp) MalaysiaMy Alien Registration Number: (if applicable) A-23815011Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident X U.S. Citizen _____My Naturalization Certificate Number: (if applicable) N/A

SECTION II

I am filing the Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come the United States under the Orderly Departure Program (ODP).

A copy of my _____ I-94 (both sides) _____ I-151 or X I-551 (Permanent Resident Card) is attached.I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting the Affidavit _____ yes X no. If yes, date submitted: _____ and date approved: _____.

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees; persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoner; or Amerasian, please complete the information in Section III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian-American:

Name of Principal Applicant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
THU-AN KHANH NGUYEN	08/03/1940 BINH DUONG Vietnam	Cousin	Ấp II A, xã CHANH HÒI, huyện Long Hồ Tỉnh Cửu Long - South Vietnam

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:**DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)**

U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____/_____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____/_____ Name/Position of Supervisor _____/_____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit Vietnam Army Last Title/Grade lieutenant
Name/Position of Supervisor unknown/_____

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes X No _____ Date: from 5/13/75 to 6/18/81

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School _____ Location _____
Type of Degree or Certificate _____
Date of Employment or Training: from _____ to _____
(month/year) (month/year)

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
His Current address: _____

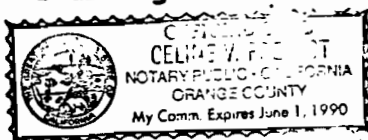
SECTION IV

NAMES OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
<u>Nguyen Luu Hong Ngoc</u>	<u>9/01/1969</u>	<u>daughter</u>
<u>Nguyen Luu Thuy Ngoc</u>	<u>2/01/1972</u>	<u>daughter</u>
<u>Nguyen Luu Minh Son</u>	<u>04/26/76</u>	<u>son</u>

ADDITIONAL INFORMATION:

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Luuk Fung
Your Signature



Subscribed and sworn to before me this 23 day of Jan, 1990
Celina V. Perez My Commission Expires: June 1, 1990
Signature of Notary Public

Kính gửi Bà Khướ' Minh Cho.

Côi là Lưu Trú - Phường Nhì số' 12692 Pine St
Apt E Garden Grove CA 92640. Phone 714 534 5927

Xin gửi đến Bà giấy báo lãnh cửu cút cháu.

Lưu Vĩnh Triệu gửi tờ gởi cho Bà ngày 9-8-1988

Nguyễn Khánh Chu An gửi tờ gởi cho Bà ngày 8-24-1988

Sáng vắn Ba gửi tờ gởi cho Bà ngày 12-11-1989.

Côi gửi theo đây số tiền 20\$ để đóng góp cho hội.

Chúc Bà sống mạnh.

Côi không còn ở địa chỉ cũ nữa mà đã dời đi
ở chỗ:

Lưu Trú - Phường

CA

Phone

Liều Trú

Kính gửi Bà Khúc Minh Thảo.
Còn lại Lưu Trú - Phường nhà số 12692 Pine St
Apt E Garden Grove CA 92640. Phone 714 5345927
xin gửi đến Bà giấy tờ hình ảnh của con cháu.
Lưu Vĩnh Trường giấy tờ gửi cho Bà ngày 9-8-1988
Nguyễn Khắc Thu An giấy tờ gửi cho Bà ngày 8-12-1988
Lưu Vĩnh Bảo giấy tờ gửi cho Bà ngày 12-11-1989.
Còn gửi theo đây số tiền 20\$ để tăng gộp cho Bà.
Chúc Bà sống mạnh.
Còn không còn ở địa chỉ cũ nữa mà đã dời đến
ở chỗ.
Lưu Trú - Phường

CA Phone

Luong Tri Luu

PHUONG TRI LUU

2-16-1990

PAY TO THE
ORDER OF

Bà Khúc Minh Thảo

20.00

DOLLARS

Bank of America N.T.S.B.

Chapman-Valley View Office 0970
P. O. Box 5068
Garden Grove, CA 92645

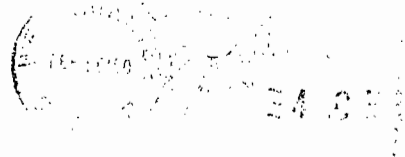
MEMO chuyển tiền NHÂN CHỨNG BẰNG TM

Luong Tri Luu

FROM: LƯU TRẠI - PHƯỜNG

GARDEN GROVE CA

6



FEB 21 1990

TO: Bà K' Huo MINH THO

P.O. Box 5435

ARLINGTON VA 22205 0635

Có tiền

R REGISTERED MAIL

R 704 642 247